

Chi tiết mã HS 2704.00.10

Mã HS	2704.00.10
Mô tả hàng hóa	Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá, than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muối bình chung than đá / - Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	31/10/2026 07:40:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/27040010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3259
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3259
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3259
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT?	Chịu thuế BVMT - xem biểu	579/2018/UBTVQH14	2018-09-26	BT2026!CV3259
Thuế xuất khẩu	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3259
Thuế XK ưu đãi CPTPP	13	13%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3259
Thuế XK ưu đãi EVFTA	13	13%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3259
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	13	13%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3259

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3248
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3209
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3209
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3209
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3209
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3209
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3209
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3247
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3247

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3247
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3247
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3247
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3247
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3251
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3251
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3251
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3251
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3251
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3251
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3251
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3215
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3211
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3211
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3211
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3211
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3211
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3211
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3211
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3211
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3211
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3211
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3211
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3211
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3258
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3258

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3258
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3258
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3258
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3258
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3255
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3255
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3255
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3255
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3255
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3255
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3263
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3263
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3263
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3263
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3263
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3263
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3234
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3234
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3234
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3234
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3234
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3234
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3236
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3236
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3236
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3236

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3236
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3236
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3232
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3232
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3232
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3232
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3232
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3232
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3232
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3255
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3255
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3255
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3255
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3255
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3255
RCEP B	2022	2022	0	B!D3255
RCEP B	2023	2023	0	B!E3255
RCEP B	2024	2024	0	B!F3255
RCEP B	2025	2025	0	B!G3255
RCEP B	2026	2026	0	B!H3255
RCEP B	2027	2027	0	B!I3255
RCEP C	2022	2022	0	C!D3255
RCEP C	2023	2023	0	C!E3255
RCEP C	2024	2024	0	C!F3255
RCEP C	2025	2025	0	C!G3255
RCEP C	2026	2026	0	C!H3255

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3255
RCEP D	2022	2022	0	D!D3255
RCEP D	2023	2023	0	D!E3255
RCEP D	2024	2024	0	D!F3255
RCEP D	2025	2025	0	D!G3255
RCEP D	2026	2026	0	D!H3255
RCEP D	2027	2027	0	D!I3255
RCEP E	2022	2022	0	E!D3258
RCEP E	2023	2023	0	E!E3258
RCEP E	2024	2024	0	E!F3258
RCEP E	2025	2025	0	E!G3258
RCEP E	2026	2026	0	E!H3258
RCEP E	2027	2027	0	E!I3258
RCEP F	2022	2022	0	F!D3255
RCEP F	2023	2023	0	F!E3255
RCEP F	2024	2024	0	F!F3255
RCEP F	2025	2025	0	F!G3255
RCEP F	2026	2026	0	F!H3255
RCEP F	2027	2027	0	F!I3255
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F3002
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G3002
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H3002
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I3002

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2704.00 có 3 dòng thuế; dòng 2704.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá.	2704.00.20 Than cốc và than nửa cốc luyện từ than non hoặc than bùn; 2704.00.30 Muội bình chung than đá	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT?” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2704.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2704.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3259), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.